

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 04/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T; địa chỉ: Khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Luật sư Trần Thị Hoàng M – Văn phòng L4; địa chỉ: Số D T, khu phố D, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T1; địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

+ Bà Phạm Thị T2 (Phạm Thị P); địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phạm Thị H (Phạm Thị S); địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phạm Thị D; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phạm Thị K; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phạm Thị C; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T2 (Phạm Thị P), bà Phạm Thị H (Phạm Thị S), bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị C: Luật sư Trần Thị Hoàng M – Văn phòng L4; địa chỉ: Số D T, khu phố D, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Phạm Vĩnh L; địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Phạm Văn M1; địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Phân chia thửa đất số 119, tờ bản đồ số 25 (theo sổ mục kê năm 2020), diện tích 1.284,6m² địa chỉ thửa đất: Khu phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị như sau:

- Nhà thờ họ Phạm thuộc khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (do ông Phạm Văn T1, Phạm Minh L1 và Phạm Văn M1 quản lý) được sử dụng thửa đất diện tích 667,1m²; sở hữu nhà thờ và toàn bộ tài sản, cây cối trên đất có vị trí như sau:

+ Phía Tây Bắc tiếp giáp với thửa đất giao cho bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T3 (Phạm Thị P), bà Phạm Thị H (Phạm Thị S), bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị K sở hữu, sử dụng có cạnh dài 33,7m.

+ Phía Đông Bắc tiếp giáp với kiệt 326/9 Hoàng Diệu gồm có các cạnh 1,10m + 2,28m + 5,83m + 2,07m + 11,92m;

+ Phía Nam và Đông Nam tiếp giáp với thửa đất của ông Phạm Văn L2, bà Hồ Thị H1; ông Phạm Hùng V; ông Phạm Văn H2, bà Hồ Thị H3 gồm có các cạnh 7,20m + 7,00m + 20,73m;

+ Phía Tây Nam tiếp giáp đất của ông Hồ Sỹ T4, bà Hoàng Thị H4 và ông Hồ Tất T5, bà Đặng Thị T6 gồm có các cạnh 4,78m + 6,64m + 5,44m;

- Giao cho bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T2 (Phạm Thị P), bà Phạm Thị H (Phạm Thị S), bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị K sử dụng thửa đất còn lại diện tích 617.5m² và sở hữu tài sản trên đất là ngôi nhà và toàn bộ tài sản, cây cối có vị trí như sau:

+ Phía Tây Bắc tiếp giáp với thửa đất của ông Hồ Tất L3, bà Hoàng Thị K1 có cạnh dài 29,82m;

+ Phía Đông Bắc tiếp giáp với kiệt 326/9 Hoàng Diệu gồm có cạnh dài 20m;

- + Phía Nam và Đ tiếp giáp với nhà thờ họ P1 có cạnh dài 33,7m;
- + Phía Tây và Tây Nam tiếp giáp với thửa đất của ông Phạm Văn T7, Nguyễn Thị N và ông Hồ Tất T5, bà Đặng Thị T6 gồm có các cạnh dài 12,37m + 6,46m;
- Đại diện nhà thờ họ Phạm chấm dứt hành vi khai thác cây cối trên diện tích đất 617.5m², tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 25 giao cho bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T2 (Phạm Thị P), bà Phạm Thị H (Phạm Thị S), bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị K sở hữu, sử dụng.

2.2 Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện về việc:

- Huỷ việc chỉnh lý quyền sử dụng đất mang tên nhà thờ họ trong sổ mục kê đất năm 2002 đối với diện tích đất 1300m² tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31 do Ủy ban nhân dân phường Đ lập ngày 06/02/2002 và Sở Địa chính (nay là Sở T) tỉnh Quảng Trị xét duyệt năm 2002.

- Huỷ việc chỉnh lý quyền sử dụng đất mang tên nhà thờ họ Phạm trong sổ mục kê đất năm 2020 đối với diện tích đất 1284,6m² tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 25 do Công ty cổ phần T8 biên lập ngày 17/11/2020 và Sở T xét duyệt ngày 04/12/2020.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án (đối với mục 2.2) theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2.3 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: nguyên đơn bà Phạm Thị T thuận chịu 7.285.000 (Bảy triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bà T đã nộp đủ.

2.4 Về án phí: nguyên đơn bà Phạm Thị T thuận chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000052 ngày 14/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Bà T đã nộp đủ.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị mục 2.2 trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các phần khác của Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hoài Thủy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).